TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Yến.

2. Bà Nguyễn Thanh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trườnglà thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2364/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T.

Địa chỉ: Số X, Đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt lập ngày 23/11/2020).

Bị đơn: Ông M.

Địa chỉ: Số Y, đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 28 tháng 11 năm 2019, bản khai và các biên bản lập tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M quen biết nhau do tự tìm hiểu, có đám cưới và đăng ký kết hôn số 165, quyển số 01/2012 ngày 31/10/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung là trẻ A (nam) (sinh ngày 07/9/2012).

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông M nhiều lần gây nợ, cầm cố xe máy của bà T để cờ bạc (đây là phương tiện duy nhất của bà T để đi làm và đưa đón con đi học). Ông M không chung thủy, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần bỏ đi, bỏ mặc cho bà T một mình nuôi con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Bà T xác định quá trình chung sống có cãi vã bất đồng với nhau nhiều lần nhưng vợ chồng không có yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải, hàn gắng tình cảm cho vợ chồng.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu Tòa án cho bà T được ly hôn với ông M để rõ ràng về pháp lý, ổn định cuộc sống để lo cho con.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ A, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay trẻ A đang sống chung với bà T tại nhà cha mẹ ruột bà T, địa chỉ 602/39/32 Đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh - phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn được đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, bị đơn hiện đang cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận

Bình Thạnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nơi cư trú của bị đơn ông M như sau:

Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/5/2020 như sau: "Tại địa chỉ 220/9/29 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không có nhân khẩu nào tên M, sinh năm 1992 cư trú. Tại địa chỉ trên là Trường mầm non 21 không có người lưu trú qua đêm".

Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/5/2020 như sau: "M có hộ khẩu tại 47/15 đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, quận Bình Thạnh. Tuy nhiên đương sự M hiện nay không có cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ, không có khai báo với địa phương".

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M tại địa chỉ thường trú nêu trên. Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần mở phiên tòa, nhưng ông Mạnh đều vắng mặt không lý do. Ông M cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc bà T xin ly hôn với ông M, về con chung, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung.

Do ông M vắng mắt, bà T đã có bản khai tại Tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 23/11/2020 nên căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về pháp luật nội dụng

- Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông M:

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà T và ông M là do bất đồng quan điểm sống , kinh tế gia đình khó khăn. Ông M không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc gây nợ. Ông M không chung thủy, nhiều lần bỏ đi, bỏ mặc cho bà Tiến một mình nuôi con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Mạnh lên tòa để hòa giải, hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng ông M đều vắng mặt, ông Mạnh không có thiện chí để đoàn tụ với bà T.

Xét thấy cuộc sống chung giữa bà Tvà ông M không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông M.

- Xét yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A (nam) (sinh ngày 07/9/2012), không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con:

Hiện nay bà T làm kỹ thuật viên da và sức khỏe, thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng và theo Bản ghi nhận nguyện vọng của trẻ A ngày 28/02/2020, trẻ A muốn được sống với bà T. Do đó yêu cầu được nuôi con của bà T là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là giao trẻ A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ôngM cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Txác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Mỹ Tiến.

Bà T được ly hôn với ông M (Giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01/2012 ngày 31/10/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao trẻ A (nam) (sinh ngày 07/9/2012) cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017341 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 22, Q. Bình Thạnh;
  (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
	Thái Thị Mỹ Hạnh